

BỘ CÔNG NGHIỆP

BỘ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 33/2006/QĐ-BCN

Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp xe máy Việt Nam
đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 55/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công nghiệp;

Căn cứ ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 4383/VPCP-CN ngày 11 tháng 8 năm 2006 của Văn phòng Chính phủ về việc giao Bộ trưởng Bộ Công nghiệp xem xét, phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp xe máy Việt Nam đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Vụ trưởng Vụ Cơ khí, Luyện kim và Hóa chất,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp xe máy Việt Nam đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển

Phát huy nguồn lực của mọi thành phần kinh tế, tổ chức lại sản xuất theo hướng phân công hóa, hợp tác, liên kết để nâng cao hiệu quả đầu tư, năng lực cạnh tranh trong tiến trình hội nhập, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng và phát triển ngành công nghiệp xe máy Việt Nam trở thành một trong những ngành sản xuất và xuất khẩu xe máy, linh kiện và phụ tùng mạnh của khu vực.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2010:

+ Đáp ứng 90% nhu cầu xe máy trong nước, trong đó đáp ứng 100% nhu cầu xe thông dụng;

+ Sản xuất trong nước đạt trên 90% linh kiện, phụ tùng xe máy và 95% linh kiện phụ tùng động cơ xe máy;

+ Thiết lập hệ thống các nhà sản xuất, cung ứng linh kiện xe máy có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu về chất lượng, giá thành và dịch vụ sau bán hàng; hệ thống phân phối và dịch vụ năng động, chuyên nghiệp;

+ Năm 2010 xuất khẩu xe thông dụng, linh kiện và phụ tùng xe tương đương 450 - 500 nghìn xe, ước kim ngạch xuất khẩu đạt 300 triệu USD;

+ Thiết lập và đưa vào hoạt động các Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển trước năm 2010.

- Giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015:

Sản xuất đáp ứng 95% nhu cầu xe máy trong nước; trên 95% linh kiện, phụ tùng; kim ngạch xuất khẩu xe máy, linh kiện, phụ tùng đạt khoảng 500 triệu USD; nâng cao năng lực các Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển để tự thiết kế được các loại xe thông dụng và một số loại xe cao cấp.

- Giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2025:

+ Tập trung đẩy mạnh sản xuất và xuất khẩu các loại xe máy, linh kiện, phụ tùng xe máy;

+ Sản xuất được xe máy cao cấp và xe máy chuyên dùng phục vụ trong nước và xuất khẩu;

+ Tự thiết kế và sản xuất các loại động cơ, xe máy sử dụng nhiên liệu sạch.

3. Chiến lược phát triển

a) Phát triển sản xuất phục vụ nhu cầu trong nước

Đầu tư phát triển sản xuất xe máy trong nước theo hướng:

- Phát triển sản xuất linh kiện, phụ tùng xe máy với chất lượng ngày càng cao, đặc biệt là sản xuất động cơ, sản xuất nguyên liệu, phụ liệu cho ngành;
- Phát triển nhanh các ngành công nghiệp hỗ trợ như: cơ khí chính xác, hóa chất, cao su, nhựa, điện, điện tử, vật liệu mới;
- Đẩy mạnh nghiên cứu thiết kế sản phẩm mới, nâng cao uy tín và khả năng cạnh tranh của xe máy Việt Nam;
- Nghiên cứu sản xuất xe máy cao cấp, xe máy chuyên dùng nhất là các loại xe sử dụng nhiên liệu sạch.

b) Đẩy mạnh xuất khẩu

- Triển khai xúc tiến thương mại, tìm kiếm và khai thác thị trường xuất khẩu, đặc biệt là các thị trường Châu Phi, Tây Nam Á, Mỹ La tinh;
- Đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm xe máy, linh kiện, phụ tùng có lợi thế cạnh tranh, phù hợp nhu cầu, thị hiếu tiêu dùng ở từng khu vực thị trường;
- Tăng cường hợp tác, liên kết sản xuất trong nước, nâng cao khả năng cạnh tranh, nghiên cứu thiết kế xe phù hợp thị trường xuất khẩu;
- Tích cực tham gia phân công hợp tác quốc tế trong sản xuất xe máy, linh kiện và phụ tùng xe máy trong khu vực và toàn cầu.

c) Phát triển khoa học công nghệ

Huy động mọi nguồn lực khoa học công nghệ trong nước, kết hợp nâng cao hợp tác quốc tế, trong đó thu hút đầu tư nước ngoài, chuyển giao công nghệ là động lực để phát triển khoa học công nghệ ngành, chú trọng vào các nội dung:

- Đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển, đẩy mạnh thiết kế sản phẩm mới;
- Chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại;
- Phát triển công nghệ trong nước, kết hợp tiếp thu công nghệ nước ngoài;
- Đầu tư công nghệ kiểm tra chất lượng sản phẩm.

d) Phát triển hệ thống các nhà cung cấp, hệ thống phân phối và dịch vụ

- Lấy sự liên kết, hợp tác tối ưu giữa các doanh nghiệp trong ngành làm cơ sở để sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở sản xuất;

- Liên kết, hợp tác thành hệ thống các nhà sản xuất cung cấp linh kiện, phụ tùng xe máy có sức cạnh tranh cao, tiến tới tham gia sản xuất, cung cấp linh kiện, phụ tùng ô tô;

- Xây dựng và phát triển hệ thống dịch vụ, hệ thống phân phối;

- Tích cực cải tiến công tác quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát triển kỹ năng sản xuất hàng loạt trong các doanh nghiệp;

- Nâng cao vai trò, chức năng của Hiệp hội Xe đạp - xe máy là đầu mối liên kết các doanh nghiệp (trong nước và đầu tư nước ngoài) trong toàn ngành công nghiệp xe máy Việt Nam.

4. Các giải pháp và chính sách thực hiện chiến lược phát triển công nghiệp xe máy Việt Nam

a) Về định hướng đầu tư

- Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, có dự án đáp ứng đầy đủ các quy định của Quyết định số 24/2002/QĐ-BCN ngày 07 tháng 6 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về tiêu chuẩn của doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp xe máy được phép đầu tư dự án sản xuất, lắp ráp xe máy trên nguyên tắc tự chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư;

- Xe máy sản xuất, lắp ráp trong nước phải được đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp và đăng kiểm chất lượng theo quy định của pháp luật.

Các sản phẩm xe máy sản xuất tại Việt Nam không có đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp và đăng kiểm chất lượng theo quy định của pháp luật thì không được phép đăng ký lưu hành;

- Các loại phụ tùng để lắp ráp xe máy bao gồm phụ tùng nhập khẩu và sản xuất trong nước phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, hợp pháp và đăng ký chất lượng sản phẩm theo quy định của pháp luật;

- Các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp xe máy và động cơ xe máy phải có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 (phiên bản 2000) cho hệ thống sản xuất, lắp ráp xe máy và động cơ xe máy.

b) Về tổ chức sản xuất

- Đẩy mạnh phối hợp liên kết sản xuất giữa các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế có năng lực về tài chính và công nghệ tham gia sản xuất linh kiện, phụ tùng xe máy nhằm

xây dựng được hệ thống các nhà cung cấp linh kiện, phụ tùng, từng bước kết hợp sản xuất linh kiện, phụ tùng ô tô;

- Khuyến khích liên doanh, liên kết hình thành tập đoàn sản xuất xe máy lớn có khả năng cạnh tranh cao;

- Tham gia hệ thống sản xuất, phân phối sản phẩm trong khu vực.

c) Về thị trường

- Xây dựng các thể chế ngăn chặn có hiệu quả hàng nhập lậu và gian lận thương mại và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp trong ngành công nghiệp xe máy;

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nâng cao thị phần trong nước, thâm nhập thị trường thế giới;

- Thúc đẩy phát triển dịch vụ bán hàng và sau bán hàng;

- Có chính sách kích cầu đối với thị trường khu vực nông thôn, miền núi như: cải tạo, nâng cấp hệ thống đường xá; tuyên truyền giáo dục luật lệ giao thông, phát triển mạng lưới đào tạo, sát hạch và cấp bằng lái xe;

- Hỗ trợ quảng bá linh kiện, phụ tùng và xe máy Việt Nam như: tổ chức hội chợ thương mại, triển lãm giới thiệu sản phẩm.

d) Về khoa học công nghệ

- Tập trung đầu tư công nghệ nghiên cứu thiết kế sản phẩm mới từ nguồn vốn khoa học công nghệ đối với hoạt động nghiên cứu và phát triển;

- Đầu tư công nghệ kiểm tra hiện đại, đảm bảo năng lực đánh giá chất lượng sản phẩm nhanh, chính xác và toàn diện;

- Chú trọng đầu tư hiện đại hóa công nghệ sản xuất hiện có, ứng dụng nhanh công nghệ mới cho phát triển ngành.

đ) Về phát triển nguồn nhân lực

- Nhà nước hỗ trợ đào tạo cán bộ về thiết kế, công nghệ sản xuất và quản lý sản xuất có trình độ cao;

- Kết hợp giữa doanh nghiệp với các trường đào tạo, xây dựng đội ngũ công nhân kỹ thuật có tay nghề cao, có kỹ năng trong sản xuất, lao động có kỷ luật, làm việc có hiệu quả;

- Tăng cường các chương trình hợp tác với các nước có công nghiệp xe máy phát triển.

e) Về tài chính:

- Nhà nước khuyến khích đầu tư vào nghiên cứu, thiết kế sản phẩm mới và hoạt động nghiên cứu và phát triển phù hợp với cam kết của Việt Nam với các tổ chức quốc tế;

- Có chính sách khuyến khích các ngành công nghiệp hỗ trợ phát triển, như: hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, cung cấp thông tin công nghệ, tổ chức hội chợ thương mại và triển lãm sản phẩm;

- Có chính sách khuyến khích các nhà đầu tư Việt Nam đầu tư ra nước ngoài để sản xuất xe máy và linh kiện phụ tùng xe máy.

g) Về công tác quản lý nhà nước

- Hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn xe máy, linh kiện, phụ tùng xe máy; quy định đăng kiểm xe máy phù hợp với thực tế Việt Nam và thông lệ quốc tế;

- Tăng cường công tác quản lý sở hữu công nghiệp và đăng kiểm chất lượng sản phẩm xe máy;

- Xây dựng cơ chế khuyến khích đầu tư phát triển công nghiệp hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp vệ tinh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công nghiệp chủ trì:

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công nghiệp sản xuất xe máy, chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện Chiến lược này;

b) Xây dựng Quy hoạch phát triển công nghiệp xe máy Việt Nam đến năm 2015, có xét đến năm 2025.

2. Bộ Công nghiệp phối hợp:

a) Với Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất cơ chế chính sách tài chính đối với xuất khẩu xe máy và linh kiện phụ tùng xe máy; đầu tư ra nước ngoài sản xuất, lắp ráp xe máy;

b) Với Bộ Thương mại và các Bộ, ngành liên quan đẩy mạnh xúc tiến thương mại và xây dựng các cơ chế quản lý xuất khẩu, nhập khẩu xe máy phù hợp giai đoạn phát triển sau năm 2006 để các nhà đầu tư yên tâm đầu tư phát triển sản xuất, đẩy mạnh xuất khẩu;

c) Với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giao thông vận tải và các Bộ, ngành liên

quan hoàn thiện và ban hành các tiêu chuẩn kỹ thuật đối với xe máy Việt Nam và các loại phụ tùng xe máy, quy định thời hạn sử dụng xe máy và phụ tùng xe máy, các cơ chế quản lý sở hữu công nghiệp đối với xe máy phù hợp với thông lệ và cam kết quốc tế;

d) Với Bộ Giao thông vận tải và các Bộ, ngành liên quan hoàn thiện và ban hành các tiêu chuẩn và quy định đăng kiểm xe máy Việt Nam phù hợp thông lệ quốc tế, các cơ chế quản lý lưu hành xe máy phù hợp giai đoạn sau năm 2006;

đ) Với Bộ Công an, Tổng cục Hải quan và các cơ quan quản lý thị trường tăng cường các biện pháp chống buôn lậu, gian lận thương mại, làm hàng giả trong lĩnh vực sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông sản phẩm xe máy và phụ tùng xe máy.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Hoàng Trung Hải

09693600

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com